TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Access B (ACC)** **Ca 03** **Phòng máy: PM2**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 10h40**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Minh | Chánh | 16/12/92 | DH10HH | 10139015 | | | | |
| 2 | Nguyễn Thị ánh | Chung | 29/02/92 | DH10TB | 10135009 | | | | |
| 3 | Lê Hoàng Triệu | Diễm | 10/11/94 | DH12TM | 12122110 | | | | |
| 4 | Nguyễn Thị Diễm | Hương | 19/10/93 | DH11TY | 11112262 | | | | |
| 5 | Lầm Yên | L#i | 18/08/89 | DH10TM | 10150029 | | | | |
| 6 | Phan Nhất | Linh | 20/06/94 | DH12CN | 12111320 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị | Đông | 10/05/92 | DH11TY | 11112271 | | + | | |
| 8 | Trần Thị Tố | Quyên | 30/01/93 | DH11TY | 11112287 | | + | | |
| 9 | Trần Công | Sơn | 09/03/93 | DH11TY | 11112191 | | | | |
| 10 | Huỳnh Công | Trường | 10/05/94 | DH12NHB | 12113067 | | | | |
| 11 | Phạm Thị Hồng | Yến | 09/07/93 | DH11NT | 11116099 | | | | |

Số thí sinh: 11. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 01** **Phòng máy: PM1**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 7h00**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Ngọc Thùy | An | 19/05/94 | DH12TC | 12122095 | | | | |
| 2 | Nguyễn Văn | An | 20/08/92 | DH11NH | 11113256 | | | | |
| 3 | Trịnh Thị Thúy | An | 24/08/92 | DH10KS | 10171070 | | | | |
| 4 | Đỗ Quỳnh | Anh | 24/05/93 | DH11KM | 11143147 | | | | |
| 5 | Đoàn Thị Chúc | Anh | 02/02/94 | DH12BQ | 12125096 | | | | |
| 6 | Võ Quốc | Anh | 23/05/94 | DH13KN | 13155059 | | | | |
| 7 | Trần Nhịt | Bẩu | 15/11/94 | DH12KT | 12120238 | | + | | |
| 8 | Sô Y | Báo | 15/05/93 | DH12KT | 12120218 | | | | |
| 9 | Nguyễn Duy | Bình | 08/03/94 | DH12TM | 12122105 | | | | |
| 10 | Võ Thị | Bổng | 06/04/95 | DH13QT | 13122243 | | | | |
| 11 | Huỳnh Thị Mộng | Cầm | 18/03/94 | DH12VT | 12125004 | | + | | |
| 12 | Lê Tính | Cảm | 02/10/93 | CD11CS | 11336075 | | | | |
| 13 | Nguyễn Phúc | Cảnh | 12/06/92 | DH11KN | 11155011 | | | | |
| 14 | Trần Thị | Châm | 03/10/90 | LT12KEB | 12423013 | | | | |
| 15 | Diệp Kim | Châu | 23/08/95 | DH13TY | 13112023 | | | | |
| 16 | Trịnh Đức | Châu | 01/03/93 | DH11QT | 11122057 | | | | |
| 17 | Trần Phong | Chánh | 29/09/86 | CD10CA17 | 10363151 | | | | |
| 18 | Hồ Mỹ | Chi | 15/10/94 | DH12DD | 12125067 | | | | |
| 19 | Phan Thị Kim | Chi | 02/06/90 | LT12KEB | 12423015 | | | | |
| 20 | Đặng Quốc | Chương | 31/08/93 | DH11BV | 11145054 | | | | |
| 21 | Hồ Hữu | Chung | 17/12/89 | DH08LN17 | 08114122 | | | | |
| 22 | Lê Thị | Chung | 25/03/93 | DH12KT | 12120397 | | | | |
| 23 | Đào Thị Thanh | Chung | 14/01/92 | DH11KM | 11143122 | | + | | |
| 24 | Nguyễn Thị | Chung | 20/10/91 | CD10CA17 | 10363008 | | | | |
| 25 | Dương Hữu | Cường | 21/07/93 | DH11BV | 11145241 | | | | |
| 26 | Nguyễn Hùng | Cường | 20/06/94 | DH12DL | 12149153 | | + | | |
| 27 | Trần Phú | Cường | 08/02/93 | DH11NY | 11141129 | | | | |
| 28 | Đỗ Huỳnh | Dân | 20/11/94 | DH12SH | 12126332 | | + | | |
| 29 | Trương Thị Hồng | Dân | 20/07/94 | DH12NHA | 12113009 | | + | | |
| 30 | Nguyễn Thái | Danh | 26/12/93 | DH11QR | 11147066 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 01** **Phòng máy: PM2**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 7h00**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hồ Thuý | Diễm | 08/12/94 | DH12DL | 12149572 | | | | |
| 2 | Trương Thị Kiều | Diễm | 22/12/93 | DH12KM | 12120243 | | + | | |
| 3 | Vũ Hoàng Ngọc | Diễm | 01/01/95 | DH13QT | 13122019 | | + | | |
| 4 | Phạm Thị Dung | Dinh | 02/11/94 | DH12KE | 12123070 | | | | |
| 5 | Lê Văn | Dương | 15/04/92 | DH11TY | 11112006 | | | | |
| 6 | Ngô Văn | Dương | 28/09/86 | DH11KT | 11120085 | | | | |
| 7 | Phạm Văn | Dương | 15/12/91 | DH10KM | 10143021 | | | | |
| 8 | Vũ Trần Thuỳ | Dương | 08/08/94 | DH12SH | 12126128 | | | | |
| 9 | Mai Thị Thuỳ | Dung | 08/12/94 | DH12HH | 12139034 | | + | | |
| 10 | Dương Chí | Dũng | 10/07/92 | DH11QR | 11147009 | | | | |
| 11 | Lương Trung | Dũng | 13/06/93 | DH11SM | 11172232 | | | | |
| 12 | Vũ Tiến | Dũng | 22/08/94 | CD12CA | 12363163 | | + | | |
| 13 | Huỳnh Khương | Duy | 30/01/92 | DH10QT | 10122029 | | | | |
| 14 | Nguyễn Hạnh | Duy | 15/04/94 | DH12NHB | 12113111 | | | | |
| 15 | Nguyễn Hùng Quốc | Duy | 14/01/93 | DH11CN | 11111121 | | | | |
| 16 | Lê Thị Mỹ | Duyên | 10/11/93 | CD11CA | 11363003 | | | | |
| 17 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 15/06/93 | DH12SH | 12126123 | | | | |
| 18 | Nguyễn Trương Kỳ | Duyên | 25/04/93 | DH11TC | 11164039 | | | | |
| 19 | Nguyễn Hoàng | Giang | 24/10/91 | DH10QT | 10122042 | | | | |
| 20 | Võ Phạm Trúc | Giang | 15/02/94 | DH12VT | 12125013 | | | | |
| 21 | Lê Thành | Giúp | 15/04/93 | DH11CT | 11117031 | | | | |
| 22 | Trương Thị Bích | Hân | 08/03/94 | CD12CA | 12363042 | | | | |
| 23 | Hồ Thanh | Hậu | 25/07/94 | DH12SH | 12126150 | | | | |
| 24 | Hồ Thị | Hậu | 13/04/93 | DH12TM | 12122134 | | + | | |
| 25 | Phan Trung | Hậu | 20/09/94 | DH12KS | 12116046 | | | | |
| 26 | Lê Thị | Hằng | 02/08/94 | DH12KN | 12155085 | | + | | |
| 27 | Mai Thị Kim | Hằng | 26/04/94 | DH12KM | 12120269 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Thanh | Hằng | 20/02/92 | CD11CA | 10363170 | | | | |
| 29 | Nguyễn Thị Thu | Hằng | 09/01/94 | DH12SH | 12126340 | | | | |
| 30 | Đinh Kim | Hằng | 28/07/94 | CD12CA | 12363265 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 01** **Phòng máy: PM3**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 7h00**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đoàn Thị Phượng | Hằng | 02/07/95 | DH13NY | 13116052 | | | | |
| 2 | Phạm Thị Bích | Hằng | 20/01/94 | DH12HH | 12139049 | | | | |
| 3 | Trần Ngọc | Hằng | 26/11/95 | DH13NT | 13116386 | | | | |
| 4 | Huỳnh Thị Mỹ | Hạnh | 27/08/93 | CD11CA | 11363181 | | | | |
| 5 | Phạm Phan Hiền Tuy | Hạnh | 12/06/93 | DH11BV | 11145078 | | | | |
| 6 | Tạ Ngọc | Hạnh | 28/12/93 | DH11KE | 11123100 | | CC | | |
| 7 | Thị Mỹ | Hạnh | 03/03/90 | DH10DY | 10142219 | | | | |
| 8 | Ngô Thị | Hà | 10/03/94 | DH12BQ | 12125149 | | CC | | |
| 9 | Nguyễn Thị | Hà | 18/04/94 | DH12NY | 12116208 | | | | |
| 10 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 14/04/91 | DH10KE | 10123042 | | | | |
| 11 | Đinh Sơn | Hà | 30/05/93 | DH11QR | 11147068 | | | | |
| 12 | Phạm Thị Thu | Hà | 18/05/94 | DH12TA | 12111036 | | | | |
| 13 | Trần Thị Thanh | Hà | 25/08/94 | DH12QT | 12122283 | | + | | |
| 14 | Nguyễn Thị Thanh | Hải | 06/09/93 | DH11NHGL | 11113306 | | | | |
| 15 | Trần Đình | Hảo | 15/02/92 | DH12DY | 12112112 | | + | | |
| 16 | Nguyễn Thị | Hiền | 25/04/93 | DH11KM | 11143212 | | | | |
| 17 | Nguyễn Thị Diệu | Hiền | 26/01/94 | DH12KE | 12123122 | | + | | |
| 18 | Nguyễn Thị Thanh | Hiền | 20/09/93 | DH11SH | 11126011 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Thu | Hiền | 29/09/84 | LT12KEB | 12423050 | | | | |
| 20 | Phạm Thị | Hiền | 10/01/92 | DH10QR | 10147028 | | + | | |
| 21 | Nguyễn Thị Mỹ | Hiệp | 10/10/94 | DH12DD | 12125454 | | + | | |
| 22 | Trần Thị Minh | Hiếu | 10/02/91 | LT12KEB | 12423054 | | | | |
| 23 | Triệu Minh | Hiếu | 01/10/90 | DH11DL | 11157450 | | | | |
| 24 | Nguyễn Thị | Hoa | 10/10/92 | DH10BQ | 10125214 | | | | |
| 25 | Phan Thị Bích | Hoa | 02/01/94 | DH12KT | 12120336 | | | | |
| 26 | K' | Hoan | 24/08/93 | DH12HH | 12139164 | | | | |
| 27 | Nguyễn Thị | Hồng | 15/09/94 | DH12KN | 12155134 | | | | |
| 28 | Phan Văn | Hoàn | 15/06/93 | DH11NHGL | 11113302 | | | | |
| 29 | Châu Minh | Hoàng | 12/06/93 | DH11SM | 11172076 | | | | |
| 30 | Tô Hồng | Hoàng | 14/08/93 | DH11CN | 11111023 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 01** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 7h00**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Trúc | Hương | 16/12/94 | DH12KM | 12120390 | | | | |
| 2 | Phạm Thị Thu | Hường | 07/05/94 | DH12KM | 12120170 | | + | | |
| 3 | Triệu Phú | Hữu | 02/10/93 | DH11BV | 11145216 | | | | |
| 4 | Hoàng Thị Kim | Huệ | 22/11/92 | DH10DL | 10157070 | | | | |
| 5 | Trần Thị | Huệ | 13/04/94 | CD12CA | 12363272 | | | | |
| 6 | Lê Thanh | Huy | 30/03/94 | DH12QT | 12122022 | | | | |
| 7 | Nguyễn Lê | Huy | 25/10/94 | DH12KM | 12120613 | | | | |
| 8 | Nguyễn Ngọc | Huyền | 25/03/93 | DH11TY | 11112009 | | | | |
| 9 | Nguyễn Thị | Huyền | 08/09/93 | DH11SM | 11172084 | | | | |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | 07/03/94 | DH12KM | 12120076 | | | | |
| 11 | Phạm Thị Lệ | Huyền | 14/12/93 | DH11SH | 11126132 | | CC | | |
| 12 | Trần Lê Mỹ | Huyền | 05/08/94 | DH12KM | 12120586 | | | | |
| 13 | Trương Thị Bích | Huyền | 15/08/95 | DH13DD | 13125187 | | | | |
| 14 | Nguyễn Minh | Kha | 26/08/94 | DH12SH | 12126314 | | | | |
| 15 | Phạm Hồng | Khang | 17/09/94 | DH12KN | 12155149 | | | | |
| 16 | Huỳnh Lê Tuấn | Khanh | 01/01/94 | DH13QT | 13122067 | | + | | |
| 17 | Lê Tấn | Khôi | 30/08/93 | DH11BV | 11145038 | | | | |
| 18 | Ka Să Ha | Khuy | 27/05/91 | DH11KT | 11120007 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Thuỳ | Khuyên | 15/03/94 | DH12QT | 12122155 | | | | |
| 20 | Nguyễn Thị | Kiều | 06/04/91 | DH11DY | 11142146 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị ái | Kiều | 05/09/95 | DH13TA | 13111279 | | | | |
| 22 | Phạm Thị Thúy | Kiều | 19/06/95 | DH13VT | 13125223 | | + | | |
| 23 | Phan Thị Mỹ | Kim | 24/05/94 | DH12QT | 12122078 | | + | | |
| 24 | Hoàng Văn | Kỳ | 20/12/92 | DH12NHA | 12113164 | | | | |
| 25 | Đặng Tùng | Lâm | 26/11/93 | DH11NH | 11113124 | | | | |
| 26 | Nguyễn Thanh | Lâm | 25/04/93 | DH11NY | 11141102 | | | | |
| 27 | Huỳnh Thị Xuân | Lai | 08/01/93 | DH11SM | 11172097 | | CC | | |
| 28 | Trần Thị Thủy | Lam | 12/05/92 | DH10KS | 10171090 | | + | | |
| 29 | Nguyễn Thị | Lan | 16/09/94 | CD12CA | 12363077 | | | | |
| 30 | Trần Thị Hoài Than | Lanh | 20/02/93 | CD11CA | 11363050 | | | | |
| 31 | Lê Thị | Lệ | 6/7/94 | DH12DL | 12149594 | | | | |
| 32 | Đặng Ngọc | Lệ | 01/09/93 | DH12KT | 12120587 | | + | | |
| 33 | Trần Thị Mỹ | Lệ | 15/12/93 | DH11BV | 11145010 | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 01** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 7h00**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Phạm Thị | Len | 16/01/92 | CD10CA17 | 10363162 | | | | |
| 35 | Phan Thị Thanh | Liễu | 09/06/93 | DH11KEGL | 11123241 | | | | |
| 36 | Nguyễn Thị Thúy | Liểu | 14/04/94 | DH12NHB | 12113169 | | CC | | |
| 37 | Lầu Phụng | Linh | 30/10/95 | DH13KN | 13155147 | | | | |
| 38 | Đào Thị Thùy | Linh | 23/09/94 | DH12SH | 12126178 | | | | |
| 39 | Nguyễn Khánh | Linh | 06/09/90 | DH10BQ | 08160088 | | | | |
| 40 | Nguyễn Nữ Hoài | Linh | 03/12/94 | DH12VT | 12125461 | | + | | |
| 41 | Nguyễn Thị Phương | Linh | 10/11/94 | DH12KE | 12123137 | | CC | | |
| 42 | Nguyễn Thị Trúc | Linh | 19/10/94 | DH12NHB | 12113174 | | + | | |
| 43 | Thái Thị Thùy | Linh | 22/12/94 | CD12CA | 12363218 | | | | |
| 44 | Trịnh Thị ái | Linh | 21/11/93 | DH11DL | 11157181 | | + | | |
| 45 | Bùi Tuấn | Lộc | 02/09/93 | DH11TM | 11150048 | | | | |

Số thí sinh: 45. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 02** **Phòng máy: PM1**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 8h50**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đặng Thị Thanh | Loan | 25/05/94 | CD12CA | 12363059 | | + | | |
| 2 | Bùi Thị Kim | Luận | 10/08/91 | LT12KEA | 12423081 | | | | |
| 3 | Bùi Thị Cẩm | Ly | 28/12/94 | CD12CA | 12363234 | | + | | |
| 4 | Lê Nguyễn Thảo | Ly | 15/07/93 | DH11SH | 11126308 | | | | |
| 5 | Võ Thị Ngọc | Lý | 10/02/93 | CD12CA | 12363080 | | | | |
| 6 | Huỳnh Thị Phương | Mai | 10/05/93 | CD12CA | 12363064 | | | | |
| 7 | Thân Thanh | Mai | 02/01/93 | DH12KN | 12155042 | | CC | | |
| 8 | Tạ Thị Kha | Mi | 20/11/92 | DH10KEGL | 10123243 | | | | |
| 9 | Dương Bình | Minh | 07/07/93 | DH11NY | 11141038 | | | | |
| 10 | Lê Thị Ngọc | Minh | 23/12/94 | DH12KM | 12120399 | | | | |
| 11 | Nguyễn Thị Thúy | Mơ | 10/12/95 | DH13KN | 13155165 | | | | |
| 12 | Thái Uyển | My | 27/11/95 | DH13KN | 13155169 | | + | | |
| 13 | Nguyễn Đức | Mỹ | 15/10/91 | DH10TP | 09139102 | | | | |
| 14 | Trương Văn | Mỹ | 06/09/91 | DH10CN | 10111027 | | | | |
| 15 | Phan Cẩm | Mỷ | 03/05/95 | DH13QT | 13122095 | | | | |
| 16 | Lê Thị Thanh | Na | 19/07/94 | DH12KM | 12120590 | | | | |
| 17 | Rơmah | Đắc | 07/06/92 | DH11NHGL | 11113310 | | | | |
| 18 | Đỗ Hoàng Tiến | Đạt | 15/08/93 | DH11SH | 11126091 | | | | |
| 19 | Nguyễn Hoài | Nam | 03/09/94 | DH12CT | 12117085 | | | | |
| 20 | Phan Hoàng | Nam | 27/05/94 | DH12KM | 12120010 | | | | |
| 21 | Nguyễn Trọng | Đài | 18/02/92 | DH10KS | 10171118 | | | | |
| 22 | Đặng Thị Hồng | Nên | / /94 | CD12CA | 12363099 | | + | | |
| 23 | Nguyễn Thị | Nga | 29/12/94 | DH12KT | 12120212 | | | | |
| 24 | Nguyễn Thị Thanh | Nga | 18/01/94 | DH12KT | 12120380 | | | | |
| 25 | Đỗ Thị Thiên | Nga | 02/02/95 | DH13TM | 13122100 | | + | | |
| 26 | Hoàng Kim | Ngân | 26/01/94 | CD12CA | 12363058 | | | | |
| 27 | Nguyễn Thị Hồng | Ngân | 09/05/93 | CD11CA | 11363217 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Huyền | Ngân | 30/01/95 | DH13PT | 13121102 | | | | |
| 29 | Lê Trọng | Nghĩa | 10/08/94 | DH12NHB | 12113036 | | | | |
| 30 | Bùi Như | Ngọc | 20/07/95 | DH13KS | 13116507 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 02** **Phòng máy: PM2**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 8h50**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Thị Bích | Ngọc | 26/01/92 | CD10CA17 | 10363016 | | + | | |
| 2 | Đặng Thị | Ngọc | 24/09/93 | DH11SH | 11126171 | | | | |
| 3 | Phan Thị Quỳnh | Ngọc | 16/09/94 | CD12CA | 12363331 | | | | |
| 4 | Trần Thị ánh | Ngọc | 07/06/93 | DH11KEGL | 11123204 | | | | |
| 5 | Trần Thị Tuyết | Ngọc | 24/10/94 | CD12CA | 12363092 | | | | |
| 6 | Nguyễn Thái | Ngữ | 13/08/93 | DH11NH | 11113022 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Kim | Nguyên | 22/06/94 | DH12NHB | 12113200 | | | | |
| 8 | Nguyễn Trần Sử | Nguyên | 10/03/93 | DH11SM | 11172130 | | | | |
| 9 | Đỗ Kinh | Nguyên | 26/10/92 | DH10TY | 10112108 | | | | |
| 10 | Võ Văn | Nguyên | 11/08/91 | DH12KM | 12120302 | | + | | |
| 11 | Trần Thị Thu | Nguyệt | 23/09/94 | DH12NHC | 12113201 | | | | |
| 12 | Nguyễn Thị Linh | Nhâm | 23/02/93 | DH11KN | 11155048 | | + | | |
| 13 | Đặng Nghĩa | Nhân | 23/06/93 | DH11CN | 11111108 | | | | |
| 14 | Nguyễn Hữu | Nhân | 21/10/93 | DH11CT | 11117068 | | | | |
| 15 | Nguyễn Phạm An | Nhân | 28/06/92 | DH11BQGL | 11125243 | | | | |
| 16 | Lê Thị Bảo | Nhi | 02/08/94 | DH12KS | 12116287 | | | | |
| 17 | Nguyễn Phạm Minh | Nhựt | 29/03/92 | DH13PT | 13121114 | | | | |
| 18 | Huỳnh Văn | Nhớ | 01/08/93 | DH11BV | 11145125 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 08/01/94 | DH12KE | 12123163 | | | | |
| 20 | Trần Thị Mỹ | Nhung | 20/03/94 | CD12CA | 12363067 | | | | |
| 21 | Phạm Thế | Điền | 29/01/91 | DH11CN | 11111073 | | | | |
| 22 | Đặng Thị Sinh | Điều | 30/11/95 | DH13PT | 13121033 | | | | |
| 23 | Mai Thới | Ninh | 07/06/92 | DH10TT | 10112119 | | | | |
| 24 | Nguyễn Kinh | Đô | 27/03/94 | DH12KE | 12123017 | | | | |
| 25 | Trần Quang | Độ | 19/06/94 | DH12KN | 12155125 | | | | |
| 26 | Trần Hữu | Đức | 10/07/91 | DH10HH | 10139045 | | | | |
| 27 | Đỗ Thị Hồng | Phã | 06/07/94 | DH12NY | 12116315 | | | | |
| 28 | Mai Hoàng Lâm | Phát | 06/08/93 | DH11NY | 11141103 | | | | |
| 29 | Huỳnh Thị Hồng | Phượng | 14/07/94 | DH12DL | 12149367 | | + | | |
| 30 | Lương Thị Bích | Phượng | 15/09/94 | DH12DD | 12125080 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 02** **Phòng máy: PM3**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 8h50**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị | Phượng | 18/10/94 | DH12QT | 12122210 | | + | | |
| 2 | Nguyễn Thị | Phượng | 09/04/95 | DH13NY | 13116167 | | | | |
| 3 | Khuất Hoài | Phương | 10/04/93 | DH11SM | 11172005 | | | | |
| 4 | Lưu Thị Hoài | Phương | 17/04/94 | DH12DD | 12125281 | | | | |
| 5 | Nguyễn Thị Lệ | Phương | 12/02/93 | DH11KE | 11123139 | | | | |
| 6 | Nguyễn Thị Mỹ | Phương | 24/07/94 | DH12BQ | 12125040 | | + | | |
| 7 | Nguyễn Thị Ngọc | Phương | 16/09/92 | DH10KN | 10155024 | | | | |
| 8 | Trần Thị Mỹ | Phương | 02/10/92 | DH10QT | 10122128 | | | | |
| 9 | Lê Thị Thanh | Phụng | 04/09/94 | DH12BVA | 12145027 | | + | | |
| 10 | Mai Thị Kim | Phụng | 19/08/94 | DH12KM | 12120115 | | | | |
| 11 | Lương Hoàng | Phúc | 01/10/94 | DH12BVA | 12145291 | | + | | |
| 12 | Lê Minh | Quân | 30/03/90 | LT12NT | 12416022 | | | | |
| 13 | Hoàng Văn | Quảng | 21/12/94 | DH12DL | 12149373 | | + | | |
| 14 | Nguyễn Thanh | Quốc | 08/10/94 | DH12NK | 12114239 | | | | |
| 15 | Đặng Thị | Quý | 06/08/94 | DH12KT | 12120512 | | + | | |
| 16 | Phan Tiến | Quý | 20/01/93 | DH11BV | 11145138 | | | | |
| 17 | Tạ Triệu Hà | Riên | 30/10/93 | DH12NHB | 12113374 | | + | | |
| 18 | Châu Thị Ngọc | Siêng | 10/04/94 | DH12BQ | 12125043 | | | | |
| 19 | Đặng Tấn | Sĩ | 14/02/93 | DH11LN | 11114026 | | | | |
| 20 | Bùi Công | Sơn | 27/06/94 | DH12KT | 12120431 | | + | | |
| 21 | Lê Ngọc Minh | Sơn | 29/03/79 | LT12QT | 12422037 | | | | |
| 22 | Chau Kim | Sương | 01/01/90 | DH10NH | 10113227 | | | | |
| 23 | Nguyễn Văn | Sỹ | 18/04/94 | DH12NHC | 12113084 | | + | | |
| 24 | Phạm Minh | Tâm | 06/03/93 | DH11DL | 11157380 | | | | |
| 25 | Võ Thành | Tâm | 05/05/94 | DH12DL | 12149063 | | + | | |
| 26 | Giòng Vy | Tân | 23/04/91 | DH10QT | 10122139 | | | | |
| 27 | Nguyễn Thị Thu | Thân | 20/11/92 | DH10DL | 10157175 | | + | | |
| 28 | Nguyễn Văn | Thân | 16/07/92 | DH10QR | 10147085 | | | | |
| 29 | Dương Ngọc | Thật | 05/03/94 | DH12KS | 12116126 | | + | | |
| 30 | Ninh Thị | Thắm | 10/12/93 | DH12KT | 12120562 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 02** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 8h50**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Thị Hồng | Thắm | 04/04/94 | DH12DD | 12125316 | | + | | |
| 2 | Vũ Thị Hồng | Thắm | 25/05/95 | DH13HH | 13139162 | | | | |
| 3 | Nguyễn Chiến | Thắng | 20/03/93 | DH12KM | 12120288 | | + | | |
| 4 | Trần Văn | Thắng | 03/10/93 | DH12HH | 12139018 | | | | |
| 5 | Ngô Thị Kim | Thanh | 19/09/93 | DH11BV | 11145015 | | | | |
| 6 | Đỗ Thiên | Thanh | 16/09/92 | DH11TA | 11161004 | | | | |
| 7 | Trần Phạm Thiện | Thanh | 03/06/93 | DH12NHB | 12113086 | | | | |
| 8 | Nguyễn Đăng | Thành | 02/12/91 | DH10KT | 10120037 | | | | |
| 9 | Đỗ Hoàng Nhật | Thành | 20/10/94 | CD12CA | 12363141 | | + | | |
| 10 | Trần Thị Kim | Thành | 10/01/94 | CD12CA | 12363084 | | | | |
| 11 | Hoàng Mai Phương | Thảo | 01/08/87 | LT12KEB | 12423138 | | | | |
| 12 | Lê Thị | Thảo | 26/03/94 | DH12KE | 12123093 | | + | | |
| 13 | Lê Thị Thu | Thảo | 20/12/93 | DH11SM | 11172160 | | | | |
| 14 | Nguyễn Thị | Thảo | 08/10/92 | DH10SH | 10126159 | | | | |
| 15 | Nguyễn Thị | Thảo | 19/08/94 | DH12TM | 12122224 | | | | |
| 16 | Nguyễn Thị Hồng | Thảo | 09/03/92 | DH11NHGL | 11113327 | | | | |
| 17 | Nguyễn Thị Như | Thảo | 07/04/95 | DH13KM | 13120378 | | | | |
| 18 | Đoàn Thị Thanh | Thảo | 28/08/94 | DH12BQ | 12125489 | | | | |
| 19 | Trần Thị | Thảo | 10/05/93 | DH12KM | 12120403 | | + | | |
| 20 | Lê Thị Bích | Thi | 19/02/92 | DH10KM | 10143070 | | | | |
| 21 | Nay | Thiên | 29/02/92 | DH12KT | 12120219 | | | | |
| 22 | Nguyễn Thị | Thơ | 12/03/94 | DH13NT | 13116211 | | | | |
| 23 | Nguyễn Minh | Thư | 26/09/94 | DH12NHC | 12113275 | | | | |
| 24 | Trần Thị Anh | Thư | 17/10/93 | DH11DD | 11148026 | | | | |
| 25 | Nguyễn T Ngọc Kim | Thoa | 12/01/94 | DH12NHA | 12113270 | | + | | |
| 26 | Võ Thị Thu | Thoa | 03/10/94 | DH12NY | 12116282 | | + | | |
| 27 | Nguyễn Văn | Thông | 02/04/93 | CD11CS | 11336019 | | | | |
| 28 | Đoàn Ngọc | Thọ | 17/02/90 | LT12NT | 12416031 | | | | |
| 29 | Dương Khánh | Thịnh | 19/10/95 | DH13NK | 13114514 | | | | |
| 30 | Hoàng Thị Hoài | Thương | 21/08/92 | DH10TY | 10112194 | | | | |
| 31 | Huỳnh Thị | Thương | 14/04/94 | DH12KM | 12120178 | | | | |
| 32 | Trần Thị Thanh | Thỏa | 22/10/95 | DH13PT | 13121154 | | | | |
| 33 | Đỗ Hữu | Thức | 05/02/94 | DH12NHB | 12113278 | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 02** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 8h50**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Huỳnh Thanh | Thuận | 16/07/94 | CD12CS | 12336102 | | | | |
| 35 | Lưu Quốc | Thuận | 12/12/94 | DH12HH | 12139029 | | | | |
| 36 | Phạm Lã Trọng | Thuận | 11/12/93 | DH12KM | 12120434 | | + | | |
| 37 | Lê Thị Ngọc | Thúy | 15/11/94 | DH12NHB | 12113274 | | | | |
| 38 | Bùi Thị | Thủy | 15/07/94 | CD12CA | 12363118 | | | | |
| 39 | Đào Thị Thu | Thủy | 07/09/94 | DH12VT | 12125327 | | + | | |
| 40 | Nguyễn Thị Nhật | Thủy | 15/02/95 | DH13NT | 13116804 | | | | |
| 41 | Trần Thị | Thuý | 01/11/94 | DH12KM | 12120133 | | | | |
| 42 | Nguyễn Tường | Thy | 06/12/94 | DH12DD | 12125334 | | + | | |
| 43 | Nguyễn Thị Thủy | Tiên | 07/03/94 | DH12DD | 12125532 | | + | | |
| 44 | Nguyễn Thị Thủy | Tiên | 19/07/94 | CD12CA | 12363127 | | | | |
| 45 | Đỗ Phượng Cẩm | Tiên | 14/08/94 | CD12CA | 12363245 | | | | |

Số thí sinh: 45. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 03** **Phòng máy: PM3**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 10h40**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vy Thị | Tin | 08/09/94 | DH12KE | 12123187 | | CC | | |
| 2 | Đoàn Công | Tín | 25/01/94 | DH12CN | 12111298 | | | | |
| 3 | Tạ Trung | Tín | 26/10/93 | DH11BV | 11145166 | | | | |
| 4 | Nguyễn Văn | Tình | 20/02/92 | DH11DL | 11157309 | | | | |
| 5 | Huỳnh Quang | Toàn | 04/10/93 | CD11CS | 11336256 | | | | |
| 6 | Lê Trọng | Toàn | 27/10/93 | DH11TA | 11161062 | | | | |
| 7 | Đỗ Văn | Toàn | 17/02/92 | DH12QR | 12114299 | | + | | |
| 8 | Trần Võ | Tòng | 04/05/92 | DH10KM | 10143083 | | | | |
| 9 | Trương Thị Hồng | Trầm | 11/01/92 | DH11KE | 11123185 | | | | |
| 10 | Ngô Võ Huyền | Trâm | 04/12/94 | DH12KN | 12155003 | | | | |
| 11 | Đỗ Thị Bích | Trâm | 14/03/94 | DH12NHC | 12113292 | | | | |
| 12 | Phạm Thị Bích | Trâm | 17/07/93 | DH11KT | 11120123 | | | | |
| 13 | Tạ Thị Ngọc | Trâm | 20/08/93 | DH11KE | 11123165 | | + | | |
| 14 | Võ Thị Ngọc | Trâm | 15/12/93 | DH11KN | 11155008 | | | | |
| 15 | Lê Bảo | Trân | 26/04/93 | CD11CA | 11363116 | | | | |
| 16 | Võ Ngọc | Trân | 28/10/94 | DH12KM | 12120440 | | + | | |
| 17 | Nguyễn Thị Kim | Trang | 20/12/93 | DH11TA | 11161117 | | + | | |
| 18 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 15/03/95 | DH13KN | 13155036 | | + | | |
| 19 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 18/10/94 | CD12CA | 12363303 | | | | |
| 20 | Đỗ Ngọc Thiên | Trang | 03/08/93 | DH11DL | 11157313 | | | | |
| 21 | Phạm Minh Thu | Trang | 08/06/95 | DH13QT | 13122413 | | | | |
| 22 | Vũ Thị Thùy | Trang | 21/10/94 | CD12CA | 12363136 | | | | |
| 23 | Trần Văn | Tráng | 01/08/92 | DH10TT | 10112318 | | | | |
| 24 | Nguyễn Thị Diễm | Trinh | 10/03/92 | DH10NH | 10113174 | | | | |
| 25 | Nguyễn Thị Kiều | Trinh | 01/11/94 | DH12NHA | 12113294 | | | | |
| 26 | Đinh Thị Ngọc | Trinh | 24/04/94 | DH12QT | 12122314 | | | | |
| 27 | Đoàn Việt | Trinh | 03/01/93 | DH11KT | 11120093 | | | | |
| 28 | Vũ Ngọc | Trình | 06/10/91 | DH10KEGL | 10123282 | | + | | |
| 29 | Lê Nam | Trung | 28/01/92 | DH10CN | 10111040 | | | | |
| 30 | Lê Thanh | Trung | 29/05/94 | DH12KT | 12120026 | | + | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 03** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 10h40**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Bửu | Trung | 20/11/94 | DH12TC | 12122091 | | | | |
| 2 | Nguyễn Quốc | Trung | 26/03/92 | DH10TT | 10112213 | | | | |
| 3 | Đỗ Thành | Trung | 24/02/94 | DH12KM | 12120155 | | | | |
| 4 | Võ Viết | Trung | 27/07/92 | DH10KE | 10123207 | | | | |
| 5 | Lưu Thị Thanh | Trúc | 24/02/92 | DH10TY | 10112214 | | + | | |
| 6 | Phan Nguyễn Thanh | Trúc | 01/06/93 | DH11DY | 11142114 | | + | | |
| 7 | Nguyễn Văn | Tuấn | 10/02/93 | DH11SM | 11172192 | | | | |
| 8 | Nguyễn Văn | Tuấn | 03/10/94 | DH12NHA | 12113360 | | + | | |
| 9 | Đỗ Tiến Minh | Tuấn | 22/05/95 | CD13CA | 13363351 | | | | |
| 10 | Trần Trọng | Tuấn | 20/02/92 | DH11TY | 11112037 | | | | |
| 11 | Lâm Ngọc | Tùng | 30/11/92 | DH10KE | 10123261 | | | | |
| 12 | Lê Thanh | Tùng | 07/10/93 | DH11VT | 11156083 | | + | | |
| 13 | Nguyễn Hoàng | Tú | 27/06/91 | DH10KEGL | 10123284 | | | | |
| 14 | Đỗ Thanh | Tú | 06/07/89 | LT12NT | 12416034 | | | | |
| 15 | Võ Thị Cẩm | Tú | 25/06/95 | DH13QT | 13122215 | | | | |
| 16 | Nguyễn Thị Kim | Tuyến | 24/08/94 | CD12CA | 12363052 | | | | |
| 17 | Trần Thị Phượng | Tuyến | 03/02/94 | CD12CA | 12363203 | | | | |
| 18 | Hồ Thị Thanh | Tuyền | 07/10/94 | DH12KM | 12120500 | | + | | |
| 19 | Nguyễn Mộng | Tuyền | 25/01/94 | DH12KN | 12155028 | | | | |
| 20 | Nguyễn Thị Kim | Tuyền | 07/02/94 | DH12KT | 12120028 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Mộng | Tuyền | 15/02/94 | DH12DD | 12125376 | | | | |
| 22 | Phan Huỳnh Kim | Tuyền | 01/01/94 | CD12CA | 12363005 | | + | | |
| 23 | Phan Thanh | Tuyền | 14/03/92 | DH10DL | 10157221 | | | | |
| 24 | Trương Thị Thanh | Tuyền | 25/09/94 | DH12SH | 12126075 | | + | | |
| 25 | Huỳnh Cao | Tuyên | 15/09/91 | DH10QT | 10122183 | | | | |
| 26 | Nguyễn Hoàng ánh | Tuyết | 10/12/94 | CD12CA | 12363214 | | | | |
| 27 | Lê Thị Hồng | Vân | 01/05/94 | DH12DD | 12125384 | | + | | |
| 28 | Nguyễn Thị | Vân | 02/02/94 | DH12KT | 12120207 | | + | | |
| 29 | Phạm Thị Thu | Vân | 17/08/93 | CD12CA | 12363039 | | | | |
| 30 | Phan Thị Tuyết | Vân | 06/01/92 | DH10QT | 10122198 | | | | |
| 31 | Trần Thị | Vân | 24/07/94 | DH12SH | 12126078 | | | | |
| 32 | Võ Thị Thu | Vân | 20/03/95 | DH13DD | 13125641 | | | | |
| 33 | Ngô Thị | Vẫn | 13/11/95 | DH13BVB | 13145232 | | + | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Excel B (EXB)** **Ca 03** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 10h40**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Nguyễn Thị | Vẹn | 16/02/94 | DH12DD | 12125063 | | | | |
| 35 | Đào ái | Vi | 01/05/95 | DH13PT | 13121205 | | | | |
| 36 | Cao Lê Hoàng | Vinh | 11/11/94 | CD12CS | 12336117 | | + | | |
| 37 | Trương Xuân | Vinh | 14/01/94 | DH12NHA | 12113363 | | + | | |
| 38 | Nguyễn Thị Thúy | Vy | 02/01/94 | DH12KE | 12123209 | | + | | |
| 39 | Nguyễn Thị Thanh | Xuân | 03/01/95 | DH13SHB | 13126412 | | | | |
| 40 | Nguyễn Trọng | Xuân | 13/03/93 | DH11NHGL | 11113348 | | | | |
| 41 | Phạm Văn | Yên | 08/02/94 | DH12QT | 12122277 | | | | |
| 42 | Nguyễn Thị Như | ý | 25/11/94 | DH12KE | 12123218 | | + | | |

Số thí sinh: 42. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Phòng máy:**

**Ngày thi:** **Giờ thi:**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lưu Kim | Chi | 08/02/94 | DH12KE | 12123009 | | | | |

Số thí sinh: 1. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 03** **Phòng máy: PM1**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 10h40**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Tiến | An | 13/12/91 | DH10DC | 10151001 | | | | |
| 2 | Trần Ngọc Thái | An | 08/09/94 | DH12TK | 12131016 | | | | |
| 3 | Hoàng Quỳnh | Anh | 04/01/94 | DH12KT | 12120319 | | | | |
| 4 | Nguyễn Thị | Anh | 10/06/95 | DH13TC | 13122005 | | | | |
| 5 | Phạm Vân | Anh | 30/09/92 | DH12BVA | 12145002 | | | | |
| 6 | Tạ Thị Mỹ | Anh | 18/09/95 | CD13CQ | 13333010 | | | | |
| 7 | Trương Ngọc Trâm | Anh | 03/03/95 | CD13CA | 13363015 | | | | |
| 8 | Trương Trần Hoàng | Bảo | 20/10/94 | DH12QT | 12122103 | | | | |
| 9 | Nông Thị | Báy | 26/02/94 | CD13CQ | 13333023 | | | | |
| 10 | Bùi Thị | Bảy | 26/03/95 | DH13PT | 13121001 | | | | |
| 11 | Nguyễn Thị Công | Bình | 05/12/94 | DH12GN | 12115226 | | | | |
| 12 | Diệp Kim | Châu | 23/08/95 | DH13TY | 13112023 | | | | |
| 13 | Lê Thị Ngọc | Châu | 14/02/92 | DH11NY | 11141072 | | | | |
| 14 | Đào Thị Minh | Châu | 01/05/95 | DH13VT | 13125037 | | | | |
| 15 | Nguyễn Tuấn | Chỉnh | 11/01/94 | DH12CD | 12153002 | | | | |
| 16 | Hoàng Thị | Chang | 19/11/92 | DH12NHC | 12113372 | | | | |
| 17 | Nguyễn Thị Quế | Chi | 02/10/94 | DH12VT | 12125118 | | | | |
| 18 | Nguyễn Văn | Chiến | 26/04/94 | DH12QMGL | 12149732 | | | | |
| 19 | Phùng Tấn | Chinh | 06/05/93 | DH12DL | 12149146 | | | | |
| 20 | Đặng Quốc | Chương | 31/08/93 | DH11BV | 11145054 | | | | |
| 21 | Hồ Hữu | Chung | 17/12/89 | DH08LN17 | 08114122 | | | | |
| 22 | Phạm Thị | Công | 20/05/95 | CD13CQ | 13333050 | | | | |
| 23 | Nguyễn Thị | Cương | 28/08/95 | DH13TA | 13111167 | | | | |
| 24 | Tô Thị Kim | Cương | 10/03/95 | CD13CQ | 13333053 | | | | |
| 25 | Nguyễn Văn | Cường | 19/09/93 | DH12QT | 12122083 | | | | |
| 26 | Nguyễn Thái | Danh | 26/12/93 | DH11QR | 11147066 | | | | |
| 27 | Hồ Thuý | Diễm | 08/12/94 | DH12DL | 12149572 | | | | |
| 28 | Huỳnh Thị Thúy | Diễm | 02/08/94 | DH12KM | 12120363 | | | | |
| 29 | Lê Nguyễn Kiều | Diễm | 09/11/95 | DH13CT | 13117013 | | | | |
| 30 | Nguyễn Thúy | Diễm | 12/04/95 | DH13PT | 13121023 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 04** **Phòng máy: PM1**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 12h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Thị Lệ | Diễm | 02/02/94 | CD12CA | 12363259 | | | | |
| 2 | Nguyễn Thị Thu | Diễn | 26/11/95 | CD13CQ | 13333060 | | | | |
| 3 | Nguyễn Thị Tuyết | Diệu | 28/10/95 | DH13QT | 13122248 | | | | |
| 4 | Trần Quan | Diệu | 24/04/94 | CD12CS | 12336126 | | | | |
| 5 | Lê Hải | Dương | 10/10/92 | DH10DY | 10142028 | | | | |
| 6 | Lê Văn | Dương | 15/04/92 | DH11TY | 11112006 | | | | |
| 7 | Ngô Văn | Dương | 28/09/86 | DH11KT | 11120085 | | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 13/05/95 | DH13KE | 13123030 | | + | | |
| 9 | Nguyễn Trùng | Dương | 05/09/94 | CD12CI | 12344032 | | | | |
| 10 | Đỗ Thị Thùy | Dương | 07/08/94 | DH12AV | 12128032 | | + | | |
| 11 | Trần Thị Ngọc | Dương | 04/12/94 | CD12CQ | 12333059 | | | | |
| 12 | Nguyễn Thị | Dung | 02/02/94 | DH12GB | 12115216 | | | | |
| 13 | Phạm Thị Phương | Dung | 21/12/95 | CD13CQ | 13333070 | | | | |
| 14 | Vũ Thị | Dung | 01/10/94 | CD12CA | 12363007 | | | | |
| 15 | Dương Chí | Dũng | 10/07/92 | DH11QR | 11147009 | | | | |
| 16 | Lê Văn | Dũng | 29/05/93 | DH11QM | 11149135 | | | | |
| 17 | Nguyễn Anh | Dũng | 20/07/93 | DH12GN | 12115234 | | | | |
| 18 | Nguyễn Đức | Dũng | 20/10/92 | DH10MT | 10127023 | | | | |
| 19 | Huỳnh Khương | Duy | 30/01/92 | DH10QT | 10122029 | | | | |
| 20 | Lê Khánh | Duy | 14/12/93 | DH11NH | 11113076 | | | | |
| 21 | Lê Văn | Duy | 07/12/94 | DH12NL | 12137015 | | | | |
| 22 | Nguyễn Khánh | Duy | 22/12/94 | DH12HH | 12139163 | | | | |
| 23 | Nguyễn Khương | Duy | 21/11/93 | DH11KT | 11120028 | | | | |
| 24 | Thân Đức | Duy | 10/11/94 | DH12BVB | 12145234 | | | | |
| 25 | Trần | Duy | 18/08/93 | DH11KT | 11120127 | | | | |
| 26 | Lê Hoàng Thụy Mỹ | Duyên | 17/09/93 | DH11QT | 11122063 | | | | |
| 27 | Nguyễn Trương Kỳ | Duyên | 25/04/93 | DH11TC | 11164039 | | | | |
| 28 | Trương Văn | Em | 14/05/94 | DH12BVB | 12145052 | | | | |
| 29 | Nguyễn Hoàng | Giang | 24/10/91 | DH10QT | 10122042 | | | | |
| 30 | Võ Phạm Trúc | Giang | 15/02/94 | DH12VT | 12125013 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 04** **Phòng máy: PM2**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 12h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Hoàng Cẩm | Giao | 25/09/93 | DH11QM | 11149157 | | | | |
| 2 | Đặng Bảo | Hân | 10/09/95 | DH13KE | 13123042 | | | | |
| 3 | Phạm Thị Ngọc | Hân | 14/12/95 | DH13KM | 13120211 | | | | |
| 4 | Trương Thị Bích | Hân | 08/03/94 | CD12CA | 12363042 | | | | |
| 5 | Lê Thị | Hằng | 25/10/94 | DH12BVB | 12145111 | | | | |
| 6 | Đặng Thị | Hằng | 13/08/93 | DH12TC | 12122300 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Thanh | Hằng | 01/10/94 | DH12BVA | 12145112 | | | | |
| 8 | Nhâm Thị Lệ | Hằng | 10/12/94 | DH12QM | 12149022 | | + | | |
| 9 | Đoàn Thị Phượng | Hằng | 02/07/95 | DH13NY | 13116052 | | | | |
| 10 | Trần Ngọc | Hằng | 26/11/95 | DH13NT | 13116386 | | | | |
| 11 | Trần Thị Thúy | Hằng | 19/07/94 | CD12CQ | 12333026 | | | | |
| 12 | Lê Đức Hoàng | Hạc | 25/11/92 | DH10AV | 10128024 | | | | |
| 13 | Lê Thị Mỹ | Hạnh | 02/08/94 | DH12KM | 12120405 | | | | |
| 14 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 26/03/94 | DH12GN | 12115159 | | | | |
| 15 | Đỗ Thị Kim | Hạnh | 11/01/94 | DH12BVB | 12145054 | | | | |
| 16 | Phạm Thị Mỹ | Hạnh | 26/01/94 | CD12CA | 12363211 | | | | |
| 17 | Cao Nguyễn Thanh | Hà | 27/06/95 | DH13KE | 13123034 | | | | |
| 18 | Đinh Sơn | Hà | 30/05/93 | DH11QR | 11147068 | | | | |
| 19 | Đoàn Thị Thu | Hà | 25/01/93 | DH12GN | 12115240 | | | | |
| 20 | Phạm Thị Vân | Hà | 28/02/94 | DH12MT | 12127008 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Thanh | Hải | 06/09/93 | DH11NHGL | 11113306 | | | | |
| 22 | Nguyễn Văn | Hải | 15/09/93 | DH12NT | 12116248 | | | | |
| 23 | Hồ Thị | Hiền | 06/12/94 | DH12KN | 12155127 | | | | |
| 24 | Huỳnh Ngọc | Hiền | 18/10/95 | DH13QL | 13124102 | | + | | |
| 25 | Nguyễn Thị Thanh | Hiền | 20/09/93 | DH11SH | 11126011 | | | | |
| 26 | Nguyễn Thị Ngọc | Hiệp | 01/03/94 | DH12KM | 12120188 | | | | |
| 27 | Nguyễn Huỳnh Như | Hoa | 15/06/95 | DH13VT | 13125160 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị | Hoa | 10/10/92 | DH10BQ | 10125214 | | | | |
| 29 | Cao Thị | Hồng | 04/11/92 | DH10AV | 10128032 | | | | |
| 30 | Nguyễn Thị | Hồng | 15/10/95 | DH13KM | 13120221 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 04** **Phòng máy: PM3**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 12h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Thị Thu | Hồng | 06/08/95 | CD13CQ | 13333181 | | | | |
| 2 | Lê Hữu | Hoà | 07/08/94 | DH12HH | 12139026 | | | | |
| 3 | Nguyễn Thị | Hoài | 24/05/94 | DH12KN | 12155086 | | | | |
| 4 | Hứa Văn | Hoàn | 06/06/94 | DH12MT | 12127009 | | | | |
| 5 | Nguyễn Văn | Hưng | 16/09/95 | DH13KE | 13123055 | | | | |
| 6 | Dương Thị | Hương | 10/10/94 | DH12DD | 12125523 | | | | |
| 7 | Huỳnh Thị Tuyết | Hương | 25/05/94 | DH13KM | 13120233 | | | | |
| 8 | Trần Thị Xuân | Hương | 20/03/95 | DH13KM | 13120236 | | | | |
| 9 | Võ Thị Diễm | Hương | 04/09/94 | DH12KM | 12120507 | | | | |
| 10 | Thiên Sanh | Huấn | 27/10/93 | DH11SK | 11158009 | | | | |
| 11 | Nguyễn Thanh | Huệ | 14/06/93 | DH11BV | 11145086 | | | | |
| 12 | Trần Thị | Huệ | 13/04/94 | CD12CA | 12363272 | | | | |
| 13 | Dương Bá | Hùng | 03/05/94 | DH12QM | 12149031 | | | | |
| 14 | Dương Ngọc | Hùng | 16/10/92 | CD12CS | 12336131 | | | | |
| 15 | Đinh Quốc | Hùng | 04/07/94 | DH12HH | 12139139 | | | | |
| 16 | Đỗ Xuân | Hùng | 08/10/92 | DH11BV | 11145089 | | | | |
| 17 | Hồ Trọng | Huy | 02/03/95 | DH13QM | 13149150 | | | | |
| 18 | Nguyễn Dương Hoàng | Huy | 13/03/94 | DH12CC | 12118042 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thành | Huy | 10/11/95 | DH13SHA | 13126103 | | | | |
| 20 | Phạm Đình Gia | Huy | 16/06/94 | DH12GI | 12162019 | | | | |
| 21 | Phạm Đức | Huy | 15/1/94 | DH12NL | 12137021 | | | | |
| 22 | Võ Ngọc | Huy | 27/09/93 | DH11SM | 11172083 | | | | |
| 23 | Nguyễn Ngọc | Huyền | 12/01/94 | DH12GI | 12162022 | | | | |
| 24 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | 28/01/95 | DH13HH | 13139056 | | | | |
| 25 | Đỗ Thị Ngọc | Huyền | 25/10/94 | DH12QM | 12149238 | | | | |
| 26 | Võ Dương Mộng | Huyền | 04/08/94 | DH12QL | 12124183 | | | | |
| 27 | Nguyễn Minh | Kha | 26/08/94 | DH12SH | 12126314 | | | | |
| 28 | Phạm Hồng | Khang | 17/09/94 | DH12KN | 12155149 | | | | |
| 29 | Lê Hoàng | Khải | 15/06/93 | DH11KT | 11120098 | | | | |
| 30 | Trần Quang | Khải | 06/03/94 | CD12CQ | 12333392 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 04** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 12h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Hà Phương | Khánh | 07/07/94 | DH12QD | 12124039 | | | | |
| 2 | Đinh Thị | Khen | 22/05/94 | DH12NHC | 12113025 | | | | |
| 3 | Nguyễn Tuấn | Khoa | 18/09/94 | CD12CS | 12336123 | | | | |
| 4 | Trần Đăng | Khoa | 09/12/95 | DH13HH | 13139068 | | | | |
| 5 | Nguyễn Minh | Khoảnh | 17/12/94 | DH12CD | 12153090 | | | | |
| 6 | Nguyễn Minh | Khương | 20/06/92 | DH11SK | 11158079 | | | | |
| 7 | Nguyễn Phan Hoài | Khương | 19/07/95 | DH13MT | 13127107 | | | | |
| 8 | Bùi Thị Minh | Khuê | 16/03/95 | DH13KM | 13120249 | | | | |
| 9 | Ka Să Ha | Khuy | 27/05/91 | DH11KT | 11120007 | | | | |
| 10 | Trần Thị Thúy | Kiều | 14/03/93 | DH11QLGL | 11124141 | | | | |
| 11 | Hoàng Văn | Kỳ | 20/12/92 | DH12NHA | 12113164 | | | | |
| 12 | Đặng Tùng | Lâm | 26/11/93 | DH11NH | 11113124 | | | | |
| 13 | Võ Ngọc | Lam | 10/06/93 | CD11CI | 11344028 | | | | |
| 14 | Nguyễn Thị | Lan | 16/09/94 | CD12CA | 12363077 | | | | |
| 15 | Nguyễn Thị | Lan | 20/03/93 | DH11QMGL | 11149623 | | | | |
| 16 | Võ Thị | Lan | 07/07/95 | DH13DY | 13112131 | | | | |
| 17 | Lê Thị | Lệ | 6/7/94 | DH12DL | 12149594 | | | | |
| 18 | Lê Thị | Lệ | 02/12/93 | DH12QM | 12149034 | | | | |
| 19 | Trần Thị Mỹ | Lệ | 15/12/93 | DH11BV | 11145010 | | | | |
| 20 | Nguyễn Thị | Lén | 16/12/92 | DH10DL | 10157084 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thanh | Liêm | 24/04/94 | DH12BVB | 12145014 | | | | |
| 22 | Hoàng Thị | Liễu | 19/07/92 | CD10CS17 | 10336029 | | | | |
| 23 | Phạm Thị Bé | Liễu | 03/06/95 | DH13PT | 13121079 | | | | |
| 24 | Phan Thị Thanh | Liễu | 09/06/93 | DH11KEGL | 11123241 | | | | |
| 25 | Bùi Thanh | Linh | 02/11/88 | DH10OT | 10154074 | | | | |
| 26 | Huỳnh Thuỳ | Linh | 06/03/94 | DH12QM | 12149596 | | + | | |
| 27 | Lê Kim Trúc | Linh | 02/03/94 | CD12CQ | 12333187 | | | | |
| 28 | Lê Thị Mộng | Linh | 26/02/94 | DH12KT | 12120191 | | | | |
| 29 | Đào Thị Thùy | Linh | 23/09/94 | DH12SH | 12126178 | | | | |
| 30 | Nguyễn Thảo | Linh | 24/04/94 | DH12TK | 12131100 | | | | |
| 31 | Nguyễn Vũ | Linh | 18/4/93 | CD12CI | 12344014 | | | | |
| 32 | Nhữ Văn | Linh | 03/05/94 | CD12CI | 12344048 | | | | |
| 33 | Phan Thị ánh | Linh | 25/08/95 | DH13CT | 13117069 | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 04** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 12h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Thái Thị Thùy | Linh | 22/12/94 | CD12CA | 12363218 | | | | |
| 35 | Vương Thị Tài | Linh | 04/08/94 | CD12CQ | 12333145 | | | | |
| 36 | Bùi Tuấn | Lộc | 02/09/93 | DH11TM | 11150048 | | | | |
| 37 | Trần Tấn | Lộc | 25/05/93 | DH12TY | 12112147 | | | | |
| 38 | Huỳnh Thị Mỹ | Loan | 27/12/93 | DH12KM | 12120088 | | | | |
| 39 | Vũ Thị | Loan | 25/05/92 | DH11DC | 11151069 | | | | |
| 40 | Phan Thành | Lực | 24/07/94 | DH12KM | 12120267 | | | | |
| 41 | Nguyễn Như | Luân | 03/09/93 | CD12CI | 12344084 | | | | |
| 42 | Phan Huỳnh Ngọc | Luyến | 20/10/94 | DH12DD | 12125465 | | | | |
| 43 | Võ Thị Ngọc | Luyến | 09/03/94 | DH12QL | 12124218 | | | | |
| 44 | Lê Nguyễn Thảo | Ly | 15/07/93 | DH11SH | 11126308 | | | | |
| 45 | Tiêu Thị Thanh | Ly | 29/01/94 | CD12CA | 12363236 | | | | |

Số thí sinh: 45. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 05** **Phòng máy: PM1**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 14h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Mai Thị Trúc | Mai | 30/03/95 | DH13CH | 13131682 | | | | |
| 2 | Nguyễn Thị Diễm | Mai | 24/06/95 | DH13KN | 13155160 | | | | |
| 3 | Đinh Thị Ngọc | Mai | 25/09/94 | DH12KN | 12155058 | | | | |
| 4 | Đoàn Thị Tuyết | Mai | 14/06/94 | DH12QL | 12124222 | | | | |
| 5 | Cao Tiến | Mạnh | 17/04/93 | DH11TK | 11160059 | | | | |
| 6 | Nguyễn Văn | Mạnh | 14/11/93 | DH12BVB | 12145288 | | | | |
| 7 | Tạ Thị Kha | Mi | 20/11/92 | DH10KEGL | 10123243 | | | | |
| 8 | Trần Thị Trà | Mi | 12/01/94 | DH12QL | 12124226 | | | | |
| 9 | Đặng Lê | Minh | 10/12/94 | DH12KM | 12120324 | | | | |
| 10 | Ngô Văn | Minh | 06/02/93 | DH12NL | 12137005 | | | | |
| 11 | Vương Huệ | Minh | 01/01/94 | DH12GI | 12162042 | | | | |
| 12 | Dương Triệu Thùy | My | 04/05/95 | DH13DD | 13125287 | | | | |
| 13 | Lê Thị Diễm | My | 3/8/94 | DH12MT | 12127030 | | | | |
| 14 | Phạm Phùng Tiểu | My | 28/02/94 | DH12KM | 12120098 | | | | |
| 15 | Hồ Thị Phú | Mỹ | 29/03/95 | DH13VT | 13125294 | | | | |
| 16 | Rơmah | Đắc | 07/06/92 | DH11NHGL | 11113310 | | | | |
| 17 | Nguyễn Quang | Đại | 02/01/94 | DH12TB | 12124158 | | | | |
| 18 | Nguyễn Văn | Đại | 27/09/94 | DH12DD | 12125442 | | | | |
| 19 | Đinh Phúc | Đại | 25/05/93 | DH11CD | 11153018 | | | | |
| 20 | Trần Đức | Đạo | 04/07/93 | DH11TY | 11112079 | | | | |
| 21 | Nguyễn Hoài | Nam | 03/09/94 | DH12CT | 12117085 | | | | |
| 22 | Võ Hoài | Nam | 28/03/94 | DH13VT | 13125300 | | | | |
| 23 | Cao Thị Kim | Đang | 22/11/95 | DH13PT | 13121030 | | | | |
| 24 | Trần Thị | Đào | 10/03/93 | DH12KN | 12155040 | | | | |
| 25 | Nguyễn Thị | Nga | 29/12/94 | DH12KT | 12120212 | | | | |
| 26 | Nguyễn Thị Thúy | Nga | 27/11/94 | DH12TA | 12111321 | | | | |
| 27 | Vũ Thị Hồng | Nga | 04/10/95 | DH13DD | 13125302 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Huyền | Ngân | 30/01/95 | DH13PT | 13121102 | | | | |
| 29 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 30/08/94 | DH12KE | 12123150 | | | | |
| 30 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 23/04/94 | DH12NT | 12116082 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 05** **Phòng máy: PM2**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 14h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hà Minh | Nghi | 02/09/94 | DH12KM | 12120508 | | | | |
| 2 | Bùi Như | Ngọc | 20/07/95 | DH13KS | 13116507 | | | | |
| 3 | Trần Thị Tuyết | Ngọc | 24/10/94 | CD12CA | 12363092 | | | | |
| 4 | Trần Xuân | Ngọc | 09/08/94 | DH12OT | 12154144 | | | | |
| 5 | Võ Duy Huệ | Ngọc | 06/09/94 | DH12TB | 12124242 | | | | |
| 6 | Hà Thế | Nguyên | 05/12/93 | DH11QR | 11147075 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | 09/02/94 | DH12BVB | 12145152 | | | | |
| 8 | Phan Tài | Nguyên | 16/11/94 | DH13NT | 13116516 | | | | |
| 9 | Đào Thị Minh | Nguyệt | 03/04/95 | DH13DD | 13125324 | | | | |
| 10 | Võ Thị Minh | Nguyệt | 16/02/95 | DH13CH | 13131432 | | | | |
| 11 | Lê Hồ ái | Nhân | 27/09/94 | DH12GN | 12115006 | | | | |
| 12 | Võ Hoàng | Nhân | 04/09/94 | DH12NHB | 12113208 | | | | |
| 13 | Trần Nguyễn Minh | Nhật | 29/04/94 | DH13QL | 13124260 | | + | | |
| 14 | Mai Thị Kim | Nhã | 26/12/94 | DH12QT | 12122189 | | | | |
| 15 | Đinh Thị | Nhài | 24/04/93 | CD11CQ | 11333114 | | | | |
| 16 | Nguyễn Thị Thanh | Nhàn | 30/08/94 | DH12NHA | 12113202 | | | | |
| 17 | Bùi Ngọc Yến | Nhi | 31/01/94 | DH12HH | 12139013 | | | | |
| 18 | Ngô Thị Thảo | Nhi | 07/02/94 | CD12CQ | 12333344 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Phương | Nhi | 10/10/92 | DH11DC | 11151037 | | | | |
| 20 | Nguyễn Tuyết | Nhi | 20/12/95 | DH13DD | 13125340 | | | | |
| 21 | Nguyễn Tất | Nhiên | 28/08/94 | DH12KM | 12120558 | | | | |
| 22 | Trần Văn | Nhiên | 22/05/95 | DH13NT | 13116534 | | + | | |
| 23 | Văn Thị Thùy | Nhiên | 30/12/94 | DH12KM | 12120197 | | | | |
| 24 | Trần Thị Kim | Nhị | 12/12/95 | DH13KE | 13123103 | | | | |
| 25 | Đặng Thị Huỳnh | Như | 01/05/94 | DH12TC | 12122195 | | | | |
| 26 | Nguyễn Thị Quỳnh | Như | 12/07/94 | DH12HH | 12139081 | | | | |
| 27 | Nguyễn Thị Quỳnh | Như | 17/02/94 | DH12BVB | 12145158 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 08/01/94 | DH12KE | 12123163 | | | | |
| 29 | Đỗ Hồng | Nhung | 08/12/95 | DH13SP | 13132283 | | | | |
| 30 | Trần Thị Mỹ | Nhung | 20/03/94 | CD12CA | 12363067 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 05** **Phòng máy: PM3**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 14h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Văn Thị Cẩm | Nhung | 27/08/95 | DH13QMGL | 13149708 | | | | |
| 2 | Nguyễn Huỳnh ý | Nhy | 24/02/95 | DH13NT | 13116148 | | | | |
| 3 | Nguyễn Bá | Niên | 08/07/95 | DH13TA | 13111360 | | | | |
| 4 | Mai Thới | Ninh | 07/06/92 | DH10TT | 10112119 | | | | |
| 5 | Trần Quang | Độ | 19/06/94 | DH12KN | 12155125 | | | | |
| 6 | Tô Phương | Oanh | 10/10/95 | DH13PT | 13121116 | | | | |
| 7 | Trương Thị Hoàng | Oanh | 10/03/94 | DH12QM | 12149104 | | | | |
| 8 | Lào Văn | Phấn | 18/12/92 | DH10DL | 10157142 | | | | |
| 9 | Đỗ Thành | Phát | 20/11/94 | DH12CD | 12153119 | | | | |
| 10 | Phạm Hồng | Phát | 10/10/93 | CD12CQ | 12333093 | | | | |
| 11 | Nguyễn Trường | Phi | 15/10/94 | DH12TY | 12112177 | | | | |
| 12 | Nguyễn Hoàng | Phong | 07/11/94 | DH12TY | 12112300 | | | | |
| 13 | Nguyễn Lê | Phong | 02/09/94 | DH12QL | 12124060 | | | | |
| 14 | Phan Đăng | Phong | 02/02/94 | CD12CQ | 12333415 | | | | |
| 15 | Võ Minh | Phong | 08/07/94 | DH12NHA | 12113047 | | | | |
| 16 | Đoàn Thị Yến | Phượng | 26/06/94 | DH12NK | 12114232 | | | | |
| 17 | Huỳnh Thái | Phương | 08/08/90 | DH12NHB | 12113048 | | | | |
| 18 | Lê Thị Hồng | Phương | 12/08/94 | DH12QM | 12149114 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Hoài | Phương | 03/01/95 | DH13BQ | 13125394 | | | | |
| 20 | Nguyễn Thị Mai | Phương | 04/04/95 | DH13KE | 13123123 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Ngọc | Phương | 16/09/92 | DH10KN | 10155024 | | | | |
| 22 | Diệp Minh | Phước | 06/08/94 | DH13QL | 13124296 | | | | |
| 23 | Hồ Văn | Phước | 20/03/94 | DH12NHC | 12113230 | | | | |
| 24 | Dương Kim | Phụng | 20/04/94 | CD12CA | 12363292 | | | | |
| 25 | Nguyễn Đình | Phùng | 16/12/95 | DH13SP | 13132299 | | | | |
| 26 | Lê Bá | Phú | 21/07/94 | CD12CQ | 12333068 | | | | |
| 27 | Dương Hoàng | Phúc | 17/12/95 | DH13SHA | 13126238 | | | | |
| 28 | Quách Đại Hồng | Phúc | 26/04/93 | DH11CC | 11119013 | | | | |
| 29 | Lê Minh | Quân | 30/03/90 | LT12NT | 12416022 | | | | |
| 30 | Đinh Ngọc | Quân | 22/07/93 | DH11QM | 11149309 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 05** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 14h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn | Quang | 14/04/94 | CD12CS | 12336075 | | | | |
| 2 | Nguyễn Thái Kim | Quyên | 30/12/93 | DH12BVB | 12145031 | | | | |
| 3 | Nguyễn Thúy | Quyên | 17/12/94 | CD12CQ | 12333423 | | | | |
| 4 | Trịnh Thị Lệ | Quyên | 24/8/93 | DH11DL | 11157260 | | | | |
| 5 | Lê Thị | Quỳnh | 06/09/94 | DH12TC | 12122214 | | | | |
| 6 | Nguyễn Trúc | Quỳnh | 17/10/94 | DH12NK | 12114082 | | | | |
| 7 | Thành Tài Nữ Trúc | Quỳnh | 02/08/95 | DH13TM | 13122140 | | | | |
| 8 | Phan Tiến | Quý | 20/01/93 | DH11BV | 11145138 | | | | |
| 9 | Đoàn Trường | Sang | 17/10/95 | DH13NT | 13116603 | | + | | |
| 10 | Trần Vũ | Sinh | 06/10/93 | DH11TY | 11112188 | | | | |
| 11 | Cao Thanh | Sơn | 22/03/92 | DH13MT | 13127220 | | | | |
| 12 | Trần Hoàng | Sơn | 15/04/94 | DH12MT | 12127153 | | + | | |
| 13 | Trần Hoàng | Sơn | 07/11/95 | DH13HH | 13139143 | | | | |
| 14 | Lê Thị Lệ | Sương | 17/01/94 | DH12SP | 12132049 | | | | |
| 15 | Huỳnh Thanh | Tâm | 29/01/95 | DH13VT | 13125430 | | | | |
| 16 | Mai Thanh | Tâm | 15/12/87 | DH10SP | 10132021 | | | | |
| 17 | Nguyễn Phan | Tâm | 11/08/95 | DH13VT | 13125432 | | | | |
| 18 | Phạm Minh | Tâm | 06/03/93 | DH11DL | 11157380 | | | | |
| 19 | Trương Minh | Tâm | 20/02/95 | DH13CC | 13118267 | | + | | |
| 20 | Lê Văn | Tấn | 26/12/94 | DH12BVA | 12145182 | | | | |
| 21 | Giòng Vy | Tân | 23/04/91 | DH10QT | 10122139 | | | | |
| 22 | Thân Thiện | Tân | 18/01/94 | DH12CC | 12118023 | | | | |
| 23 | Lai Thanh | Tài | 11/09/94 | DH13QT | 13122141 | | | | |
| 24 | Lê Tấn | Tài | 06/12/93 | CD12CQ | 12333425 | | | | |
| 25 | Lê Chí | Thâm | / /90 | DH10QL | 10124182 | | + | | EXCB |
| 26 | Nguyễn Thị Mỹ | Thẩm | 23/01/95 | DH13TY | 13112288 | | | | |
| 27 | Lê Nguyễn Kim | Thắm | 23/09/95 | DH13MT | 13127249 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị | Thắm | 06/01/95 | DH13TY | 13112285 | | | | |
| 29 | Lê Văn | Thắng | 13/09/93 | DH12BVA | 12145267 | | | | |
| 30 | Đoàn Nhật | Thắng | 11/12/94 | DH12NL | 12137041 | | | | |
| 31 | Huỳnh Ngọc | Thạch | 12/10/95 | DH13CC | 13118278 | | + | | |
| 32 | Huỳnh Châu | Thanh | 05/07/95 | DH13NT | 13116631 | | + | | |
| 33 | Đoàn Thiện | Thanh | 01/07/94 | CD13CI | 13334175 | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 05** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 14h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Trần Thị Thanh | Thanh | 30/11/94 | DH12KM | 12120436 | | | | |
| 35 | Bùi Kim | Thành | 04/09/91 | DH10QM | 10149175 | | | | |
| 36 | Nguyễn Văn | Thành | 09/08/90 | DH11TY | 11112194 | | | | |
| 37 | Trần Thị Kim | Thành | 10/01/94 | CD12CA | 12363084 | | | | |
| 38 | Hàn Thị Thanh | Thảo | /10/95 | DH13DD | 13125445 | | | | |
| 39 | Lê Dương | Thảo | 26/09/95 | DH13KM | 13120376 | | | | |
| 40 | Nguyễn Thị | Thảo | 15/06/94 | DH12KS | 12116195 | | | | |
| 41 | Nguyễn Thị Thu | Thảo | 09/03/94 | DH12KT | 12120489 | | | | |
| 42 | Đoàn Thị Thanh | Thảo | 28/08/94 | DH12BQ | 12125489 | | | | |
| 43 | Phạm Thị Hoài | Thảo | 02/02/95 | DH13QM | 13149361 | | | | |
| 44 | Trần Thị Thạch | Thảo | 23/12/199 | DH12QM | 12149430 | | | | |
| 45 | Trần Thị Thu | Thảo | 02/10/95 | DH13DD | 13125455 | | | | |

Số thí sinh: 45. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 06** **Phòng máy: PM1**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 16h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị | Thể | 08/02/94 | CD12CA | 12363212 | | | | |
| 2 | Phan Thị Anh | Thi | 19/11/94 | DH12KM | 12120201 | | | | |
| 3 | Nay | Thiên | 29/02/92 | DH12KT | 12120219 | | | | |
| 4 | Trần Văn | Thiện | 20/08/93 | CD11CQ | 11333113 | | | | |
| 5 | Võ Thanh | Thiện | 27/06/94 | DH12GN | 12115304 | | | | |
| 6 | Nguyễn Thị | Thơ | 12/03/94 | DH13NT | 13116211 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Cẩm | Thơ | 08/94/ | DH12AV | 12128143 | | + | | |
| 8 | Huỳnh Anh | Thư | 01/02/94 | DH12KN | 12155122 | | | | |
| 9 | Huỳnh Kim | Thư | 12/01/94 | DH12KT | 12120605 | | | | |
| 10 | Lê Ngọc Anh | Thư | 24/01/94 | DH12KN | 12155101 | | | | |
| 11 | Nguyễn Thị Anh | Thư | 01/03/94 | DH12TC | 12122236 | | + | | |
| 12 | Nguyễn Thị Anh | Thư | 29/08/94 | DH12BVA | 12145201 | | | | |
| 13 | Nguyễn Thị Kim | Thoa | 29/11/94 | DH12DL | 12149078 | | | | |
| 14 | Võ Ngọc Kim | Thoa | 08/11/95 | DH13DY | 13112296 | | | | |
| 15 | Nguyễn Hữu | Thọ | 17/04/93 | DH11TY | 11112205 | | | | |
| 16 | Đoàn Hùng | Thịnh | 15/10/92 | CD11CQ | 11333111 | | | | |
| 17 | Trần Cẩm | Thịnh | 13/01/95 | DH13QM | 13149384 | | | | |
| 18 | Cù Thị Cẩm | Thương | 29/03/94 | DH12QT | 12122312 | | | | |
| 19 | Hà Thị | Thương | 15/01/94 | DH12CT | 12117123 | | | | |
| 20 | Nguyễn Hoàng | Thương | 01/01/95 | DH13GB | 13115116 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Thùy | Thương | 04/03/95 | DH13TY | 13112313 | | | | |
| 22 | Trần Thị Hoài | Thương | 03/01/95 | CD13CA | 13363310 | | | | |
| 23 | Đỗ Hữu | Thức | 05/02/94 | DH12NHB | 12113278 | | | | |
| 24 | Bùi Thị Xuân | Thu | 15/11/94 | DH12KM | 12120177 | | | | |
| 25 | Đặng Thị | Thu | 20/02/93 | DH12KT | 12120385 | | | | |
| 26 | Bùi Quang | Thuận | 13/06/95 | DH13QL | 13124378 | | | | |
| 27 | Huỳnh Thanh | Thuận | 16/07/94 | CD12CS | 12336102 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Ngọc | Thuận | 20/11/94 | CD12CQ | 12333441 | | | | |
| 29 | Phan Ngọc | Thùy | 26/06/94 | DH12GB | 12115032 | | | | |
| 30 | Phan Thị Thanh | Thùy | 10/10/94 | DH12BVB | 12145200 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 06** **Phòng máy: PM2**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 16h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Thị Thanh | Thúy | 10/12/92 | DH11AV | 11128129 | | | | |
| 2 | Lê Thị Thanh | Thúy | 10/02/94 | DH12DD | 12125084 | | | | |
| 3 | Nguyễn Thị | Thúy | 14/10/95 | DH13CN | 13111487 | | | | |
| 4 | Trịnh Thị Thanh | Thúy | 24/10/93 | DH12NY | 12116316 | | | | |
| 5 | Biện Thị Thu | Thủy | 05/08/93 | DH11QLGL | 11124204 | | | | |
| 6 | Bùi Thị | Thủy | 15/07/94 | CD12CA | 12363118 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Hồng | Thủy | 24/08/95 | DH13TA | 13111100 | | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Lệ | Thủy | 25/05/93 | DH11QL | 11124110 | | | | |
| 9 | Nguyễn Thị Nhật | Thủy | 15/02/95 | DH13NT | 13116804 | | | | |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh | Thủy | 16/02/94 | DH12KM | 12120271 | | | | |
| 11 | Trần Thị Thu | Thủy | 16/04/94 | DH12KT | 12120135 | | | | |
| 12 | Hồ Thị Kim | Thuy | 17/04/94 | DH12QM | 12149456 | | + | | |
| 13 | Hồ Hữu | Tiến | | CD13CS | 13336229 | | | | |
| 14 | Trần Nhật | Tiến | 19/04/94 | DH12GN | 12115305 | | | | |
| 15 | Trần Đức | Tiến | 07/02/94 | DH12KM | 12120141 | | | | |
| 16 | Hà Thị | Tiền | 05/08/95 | DH13DY | 13112318 | | | | |
| 17 | Nguyễn Thị Thủy | Tiên | 19/07/94 | CD12CA | 12363127 | | | | |
| 18 | Huỳnh Quang | Toàn | 04/10/93 | CD11CS | 11336256 | | | | |
| 19 | Lê Trọng | Toàn | 27/10/93 | DH11TA | 11161062 | | | | |
| 20 | Ngô Hữu | Toàn | 22/10/94 | DH12NL | 12137058 | | | | |
| 21 | Trần Minh | Toàn | 27/03/94 | DH12QT | 12122062 | | | | |
| 22 | Trần Võ | Tòng | 04/05/92 | DH10KM | 10143083 | | | | |
| 23 | Nguyễn Thanh | Tới | 05/03/94 | DH12NK | 12114351 | | | | |
| 24 | Lê Thị Quỳnh | Trâm | 24/02/94 | DH12KT | 12120024 | | | | |
| 25 | Nguyễn Quỳnh | Trâm | 05/08/95 | DH13QM | 13149432 | | | | |
| 26 | Nguyễn Thị Lưu | Trâm | 15/01/94 | DH12KE | 12123058 | | | | |
| 27 | Nguyễn Thị Thu | Trâm | 17/10/93 | CD12CA | 12363198 | | | | |
| 28 | Đinh Thị Bảo | Trâm | 03/03/94 | DH12GI | 12162028 | | | | |
| 29 | Đỗ Thị Bích | Trâm | 14/03/94 | DH12NHC | 12113292 | | | | |
| 30 | Phạm Ngọc Triết | Trâm | 10/09/94 | DH13DY | 13112343 | | | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 06** **Phòng máy: PM3**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 16h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tô Thị Phượng | Trâm | 24/08/95 | DH13QL | 13124424 | | + | | |
| 2 | Võ Thị Phương | Trâm | 04/10/95 | CD13CQ | 13333581 | | + | | |
| 3 | Khưu Quế | Trân | 25/11/89 | LT12BQ | 12425018 | | | | |
| 4 | Huỳnh Thu | Trang | 28/01/93 | DH12TK | 12131217 | | | | |
| 5 | Kiều Thị Thùy | Trang | 31/08/95 | DH13QL | 13124410 | | + | | |
| 6 | Nguyễn Thị Mai | Trang | 04/09/95 | DH13QM | 13149423 | | | | |
| 7 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 04/07/95 | DH13SP | 13132390 | | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 18/10/94 | CD12CA | 12363303 | | | | |
| 9 | Phạm Minh Thu | Trang | 08/06/95 | DH13QT | 13122413 | | | | |
| 10 | Phạm Thị Thu | Trang | 24/08/94 | DH12QM | 12149489 | | | | |
| 11 | Trần Thị Hoài | Trang | 07/09/95 | DH13DD | 13125556 | | | | |
| 12 | Trần Thị Ngọc | Trang | 28/12/93 | DH12KM | 12120314 | | | | |
| 13 | Hoàng | Trà | 14/02/94 | DH13KE | 13123165 | | | | |
| 14 | Trần Văn | Tráng | 01/08/92 | DH10TT | 10112318 | | | | |
| 15 | Lương Minh | Triều | 17/11/94 | DH12HH | 12139030 | | | | |
| 16 | Trương Minh | Triều | 23/04/94 | DH12NHB | 12113357 | | | | |
| 17 | Ngô Thị Tuyết | Trinh | 18/06/94 | DH12GI | 12162052 | | | | |
| 18 | Nguyễn Thị Lan | Trinh | 08/08/94 | DH12KM | 12120153 | | | | |
| 19 | Nguyễn Thị Ngọc | Trinh | 08/06/94 | DH12KN | 12155156 | | | | |
| 20 | Nguyễn Thị Tố | Trinh | 15/06/95 | DH13DD | 13125581 | | | | |
| 21 | Đoàn Việt | Trinh | 03/01/93 | DH11KT | 11120093 | | | | |
| 22 | Lê Quốc | Trọng | 01/11/94 | DH12NHC | 12113065 | | | | |
| 23 | Lê Quang | Trường | 22/09/92 | DH11QLGL | 11124133 | | | | |
| 24 | Phạm Văn | Trường | 09/04/94 | DH12CH | 12131305 | | | | |
| 25 | Võ Đình | Trưởng | 02/02/94 | DH12TD | 12138134 | | | | |
| 26 | Lê Đức | Trung | 02/07/95 | DH13BVB | 13145212 | | | | |
| 27 | Lê Huỳnh Ngọc | Trúc | 13/06/94 | DH13VT | 13125596 | | | | |
| 28 | Nguyễn Thanh | Trúc | 06/06/95 | DH13QL | 13124447 | | + | | |
| 29 | Nguyễn Thị Linh | Trúc | 17/02/94 | DH12MT | 12127197 | | | | |
| 30 | Phan Thanh | Trúc | 17/04/93 | DH12AV | 12128180 | | + | | |

Số thí sinh: 30. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 06** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 16h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tô Thanh | Trúc | 26/10/95 | DH13KE | 13123170 | | + | | |
| 2 | Nguyễn Anh | Tuấn | 21/06/93 | DH11TY | 11112294 | | | | |
| 3 | Nguyễn Thanh | Tuấn | 16/08/95 | DH13CK | 13118337 | | | | |
| 4 | Đinh Lê Hoàng | Tuấn | 04/04/94 | DH12OT | 12154065 | | | | |
| 5 | Đỗ Tiến Minh | Tuấn | 22/05/95 | CD13CA | 13363351 | | | | |
| 6 | Trần Anh | Tuấn | 26/10/90 | DH08TY | 08112319 | | CC | | |
| 7 | Trần Trọng | Tuấn | 20/02/92 | DH11TY | 11112037 | | | | |
| 8 | Nguyễn Thanh | Tùng | 16/02/94 | DH12CC | 12118101 | | | | |
| 9 | Lê Thị Cẩm | Tú | 05/09/95 | DH13PT | 13121201 | | | | |
| 10 | Nguyễn Hoàng | Tú | 27/06/91 | DH10KEGL | 10123284 | | | | |
| 11 | Nguyễn Thị Kim | Tuyến | 24/08/94 | CD12CA | 12363052 | | | | |
| 12 | Đặng Thị Kim | Tuyền | 06/06/94 | DH12TB | 12124336 | | | | |
| 13 | Nguyễn Thị Kim | Tuyền | 07/02/94 | DH12KT | 12120028 | | | | |
| 14 | Bùi Thị ánh | Tuyết | 11/04/95 | CD13CQ | 13333624 | | | | |
| 15 | Nguyễn Thị | Tuyết | 09/12/95 | DH13KN | 13155295 | | | | |
| 16 | Võ Thị Minh | Tuyết | 30/11/94 | DH12BQ | 12125510 | | | | |
| 17 | Nguyễn Thị Phương | Uyên | 19/04/95 | DH13DY | 13112370 | | | | |
| 18 | Nguyễn Thị Phương | Uyên | 23/05/94 | DH12NT | 12116313 | | | | |
| 19 | Hồ Thị Thu | Vân | 13/10/94 | DH12KM | 12120162 | | | | |
| 20 | Lê Thị Hồng | Vân | 18/02/95 | DH13SP | 13132079 | | | | |
| 21 | Nguyễn Thụy Tuyết | Vân | 20/07/93 | DH11GN | 11169025 | | | | |
| 22 | Đinh Thị Thùy | Vân | 25/03/94 | DH12DL | 12149529 | | | | |
| 23 | Lê Anh | Văn | 20/03/91 | DH10TB | 10135138 | | | | |
| 24 | Đào ái | Vi | 01/05/95 | DH13PT | 13121205 | | | | |
| 25 | Hồ Lê Hoàng | Việt | 20/09/95 | CD13CA | 13363371 | | | | |
| 26 | Nguyễn Công | Vinh | 20/01/93 | DH11TY | 11112250 | | | | |
| 27 | Nguyễn Quốc | Vinh | 28/05/93 | DH12NL | 12137049 | | | | |
| 28 | Trần Đình | Vinh | 15/4/1993 | DH11QM | 11149436 | | | | |
| 29 | Bùi Nam | Vương | 01/01/94 | DH12NK | 12114356 | | | | |
| 30 | Châu Tấn | Vui | 08/12/95 | CD13CA | 13363373 | | | | |
| 31 | Hồ Trần | Vũ | 20/6/94 | CD12CI | 12344085 | | | | |
| 32 | Nguyễn Hoàng | Vy | 24/11/94 | CD12CQ | 12333483 | | | | |
| 33 | Trần Ngọc Hà | Vy | 03/10/94 | DH12NHC | 12113316 | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# DANH SÁCH DỰ THI TIN HỌC ĐỢT 031/2015

**Môn thi: Tin học VP (THVP)** **Ca 06** **Phòng máy: PM4**

**Ngày thi: 27/9/2015** **Giờ thi: 16h30**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | N. SINH | Lớp | MÃ SV | MÁY | HT | KÝ TÊN | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Trương Thảo | Vy | | | | | CC | | |
| 35 | Nguyễn Thị Diễm | Xuân | 13/07/94 | DH12BVA | 12145226 | | | | |
| 36 | Nguyễn Trọng | Xuân | 13/03/93 | DH11NHGL | 11113348 | | | | |
| 37 | Đinh Thị | Yali | 06/02/92 | DH10KEGL | 10123289 | | | | |
| 38 | Nguyễn Thị Kim | Yến | 05/08/94 | DH12QT | 12122280 | | | | |
| 39 | Nguyễn Thị Mỹ | Yến | 20/06/95 | DH13DY | 13112395 | | | | |
| 40 | Nguyễn Thị Ngọc | Yến | 04/05/95 | DH13DL | 13149513 | | | | |
| 41 | Đoàn Thị Hoàng | Yến | 13/10/94 | DH12TK | 12131157 | | | | |
| 42 | Trần Thị | Yến | 10/10/94 | CD12CA | 12363150 | | | | |
| 43 | Phạm Văn | Yên | 08/02/94 | DH12QT | 12122277 | | | | |

Số thí sinh: 43. *(Lưu ý: cột HT=CC: Chỉ thi chứng chỉ, HT=+: Thi chuẩn+ làm chứng chỉ, HT Bỏ trống: Chỉ thi chuẩn)*

***- Lưu ý: Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên (có hình rõ nét) trong các buổi dự thi.***

TRUNG TÂM TIN HỌC